

Bản án số: 260/2023/HC-PT
Ngày 24 tháng 4 năm 2023
V/v. Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà
nước về đất đai và Quyết định giải
quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa
án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân
cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa
án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai, trực
tuyến vụ án hành chính thụ lý số 56/2023/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2023
về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai và Quyết định giải quyết khiếu nại”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối
với Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của
Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm
số 3963/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Duy L, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn P, xã
V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Duy L: Luật sư Đỗ
Trọng L1 thuộc Công ty Luật TNHH A, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; do ông Lại Văn H – Phó Chủ
tịch UBND tỉnh Thái Bình làm đại diện. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử
vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình:

Ông Vũ Ngọc T – Phó Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình và Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình; do ông Nguyễn Văn Đ – Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình làm đại diện. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình và UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình: Ông Phạm Đình T1 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H1 sinh năm 1964, anh Hoàng Văn H2 sinh năm 1985; anh Hoàng Văn H3 sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Hoàng Duy L trình bày:*

Hộ gia đình ông Hoàng Duy L có 04 khẩu được Nhà nước giao đất nông nghiệp tại xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình gồm: Vợ chồng ông Hoàng Duy L, bà Hoàng Thị H1 và 02 người con là anh Hoàng Văn H2 và anh Hoàng Văn H3. Tổng diện tích đất nông nghiệp của cả hộ được giao là 2.220m²; đất nông nghiệp của gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m² đất thuộc địa giới hành chính xã V và phường Phúc Khánh, thành phố T. Gia đình ông bị thu hồi 888m² đất nông nghiệp (trong đó có 789m² đất nông nghiệp tại thửa số 18 tờ bản đồ số 11 và 99m² đất nông nghiệp tại thửa số 219 tờ bản đồ số 12) tại Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T, gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 185.882.800 đồng.

Theo Thông báo số 221/TB-PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất, ông được biết UBND thành phố T thu hồi đất của gia đình ông để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội (dự án Khu đô thị Thương mại - dịch vụ xã V). Gia đình ông đã bàn giao diện tích đất thu hồi cho UBND thành phố T và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Sau một thời gian ông thấy UBND thành phố T lại giao diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông và các hộ dân khác trong cùng dự án đó cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T, trong khi tại Danh mục các công trình dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình (ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình), dự án tại xã V, thành phố T là “Dự án khu đô thị, thương mại dịch vụ”. Quá trình thực hiện, Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H đã thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án mà Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H thực hiện

không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, quá trình thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư, UBND thành phố T áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau để chi trả cho các hộ dân, có hộ được bồi thường 69 triệu đồng/sào, có hộ được bồi thường 110.000 triệu đồng/sào, 130 triệu đồng/sào, có 42 hộ được bồi thường 175 triệu đồng/sào. Gia đình ông nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 69.000.000 đồng/sào. Việc chi trả số tiền cao hơn cho một số hộ gia đình do Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H chi trả trực tiếp và không có chứng từ gì nên ông không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Ông thấy việc áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau là trái với nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, không đảm bảo sự công bằng giữa các hộ dân trong cùng dự án.

Ngày 13/12/2019 và ngày 28/5/2020, ông cùng các hộ dân đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình, nội dung khiếu nại các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là BT, HT, GPMB) dự án xây dựng Khu dân cư mới xã V, thành phố T. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân Thôn P, thôn T (trong đó có ông L), nội dung không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên nội dung các Quyết định đó.

Ngày 21/10/2020, ông L cùng các hộ dân tại Thôn P, thôn T, xã V, thành phố T tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình. 200 hộ dân đã ủy quyền cho 05 công dân tại xã V tham gia quá trình giải quyết khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Hoàng Thị T2 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P, thôn T, xã V, thành phố T, nội dung giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Ông L cho rằng các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông - người có đất bị thu hồi. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố T lại thu hồi đất và bồi thường cho gia đình ông theo giá Nhà nước quy định, không có sự thỏa thuận giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định pháp luật.

Ông L không có ý kiến gì về việc thu hồi đất nhưng do việc BT, HT, GPMB không công bằng nên ông yêu cầu UBND thành phố T nâng mức bồi thường cho gia đình ông là 175.000.000 đồng/sào. Vì vậy ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân

dân thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T;

2. Hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T2, bà Đặng Thị B (M), ông Hoàng Hải H3, bà Hoàng Thị T3 đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P, thôn T, xã V, thành phố T (lần đầu);

3. Hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T2 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn P, thôn T, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

** Người bị kiện là UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T trình bày:*

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB: Dự án Khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H. Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố T năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt tại các quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19 ha; đất công trình giáo dục 0,43 ha; đất công trình thể thao 0,38 ha; đất dịch vụ thương mại 0,98 ha; đất nhà ở liền kề 11,41 ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1 ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47 ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9 ha; đất đầu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36 ha; đất giao thông 12,73 ha. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án không thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;

Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB, vì vậy UBND thành phố T đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB (trong đó có hộ gia đình ông Hoàng Duy L) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố phối hợp với UBND xã V, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi hợp để triển khai công tác GPMB dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về GPMB. Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã lập phương án BT, HT, GPMB, phối hợp với UBND xã V, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB liên quan đến hộ ông Hoàng Duy L.

Về lập phương án BT, HT, GPMB: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố T đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã V lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình. Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ ông L) là đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt. Như vậy, việc ông L cho rằng phương án BT, HT,

GPMB của dự án khu dân cư mới xã V không công bằng là không có cơ sở.

Về sự khác biệt tên dự án: Tại số thứ tự 154 Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Bình (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T, tổng diện tích 31 ha, trong đó đất trồng lúa 25,7 ha.

Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố T, dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha.

Về thực chất Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V hay Khu dân cư V đều là một dự án Khu dân cư mới xã V; vì dự án có cùng một vị trí, địa điểm, cùng một diện tích; tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố T.

3. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND Thành phố T: Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố T, bà Hoàng Thị T2 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân Thôn P, thôn T, xã V khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T.

Ngày 03/7/2020, UBND thành phố T có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T2 cùng một số công dân Thôn P và thôn T, xã V; Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại.

Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T2 và một số công dân Thôn P, thôn T, xã V. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố T (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T2 và một số công dân Thôn P, thôn T, xã V; trong đó: kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND Thành phố

là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố T và UBND Thành phố T khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày:*

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai): Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T2 cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân Thôn P, thôn T, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thấy: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình của Chủ tịch UBND thành phố T bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông Hoàng Duy L và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là có cơ sở.

Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4

Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; các điều 62, 66, 69,75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Duy L về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Hoàng Duy L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới. Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hoàng Duy L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của ông Hoàng Duy L là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông Hoàng Duy L là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Hoàng Duy L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Duy L trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H1, anh Hoàng Văn H2, anh Hoàng Văn H3 vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T, Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Đây là các quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực đất đai có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông Hoàng Duy L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Dự án khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. UBND tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 05/8/2016 về việc thu hồi đất, ban hành kèm theo Kế hoạch này là thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định, việc này đã được niêm yết công khai. Sau cuộc họp với các hộ dân có đất bị thu hồi, UBND thành phố T đã xem xét đề nghị của các phòng ban, đơn vị liên quan và ra Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T (trong đó có hộ ông Hoàng Duy L). Ông L cho rằng việc bồi thường của Nhà nước không công bằng về giá nên đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T. Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung giữ nguyên Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016. Không đồng ý với quyết định trên, ông L tiếp tục có đơn khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông L, giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại

Quyết định 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T của UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 62, Điều 63 và khoản 6 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với đơn khiếu nại của ông Hoàng Duy L là đúng trình tự, thẩm quyền được quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 22, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 27, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

[4.2] Sau khi tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố T thẩm định, ngày 01/12/2016 UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 13511/QĐ-UBND về việc thu hồi đất. Hộ ông Hoàng Duy L bị thu hồi 888m² đất nông nghiệp (trong đó có 789m² đất nông nghiệp tại thửa số 18 tờ bản đồ số 11 và 99m² đất nông nghiệp tại thửa số 219 tờ bản đồ số 12) do đất của gia đình ông L nằm trong diện tích bị thu hồi trong dự án xây dựng khu dân cư mới xã V với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 185.882.800 đồng. Hộ gia đình ông L không khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất mà chỉ khiếu nại về mức bồi thường và hỗ trợ.

Xét thấy mức giá bồi thường về đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 do UBND thành phố T ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T là phù hợp với quy định của Điều 77, điểm a, b khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2016; Điều 14, Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; khoản 7 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình.

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được UBND

thành phố T phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, công khai mức bồi thường, hỗ trợ; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ gia đình, cá nhân bao gồm cả gia đình ông L. Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố T phê duyệt. Hộ gia đình ông L đã ký nhận đủ số tiền 185.882.800 đồng. Như vậy, UBND thành phố T đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo về chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu do phía người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố T áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như ông L trình bày. Việc bồi thường, hỗ trợ đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L về việc hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND là có căn cứ.

[4.3] Như đã phân tích tại phần trên thì Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 do UBND thành phố T ban hành là đúng về trình tự, thủ tục và nội dung. Ông L cho rằng đơn giá bồi thường là không công bằng giữa các hộ dân nên đã làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại bằng việc ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Việc ban hành quyết định này là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Tuy có vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND

Vì Quyết định 3272/QĐ-UBND là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 là đúng và có căn cứ như đã phân tích nên Quyết định 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định của pháp luật.

Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Hoàng Duy L là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Duy L và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí: Ông Hoàng Duy L là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Duy L. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 74/2022/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: Ông Hoàng Duy L được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phùng Hải Hiệp